TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST
Ngày: 28/01/2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 12 năm 2020 và ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2020/TLST- DS ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp hợp vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 738/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 619/QĐST-DS ngày 30/11/2020 và Thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa số: 04/2021/TB-TA ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V;

Trụ sở: Đường L, Phường H, quận Đ, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D– Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đại A, sinh năm: 1995 (có mặt); ông Cái Phước Tr (vắng mặt) – chức vụ: Chuyên viên tố tụng.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, đường C, Phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền số 30212/2020/UQ-PGĐK ngày 13/5/2020).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: 100/5 V, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Số 028 đường B, ấp N, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2019, bản tự khai ngày 13 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP V – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (VBank) đã ký hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Văn M. Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 14/6/2016 (căn cứ vào giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 04/6/2016), theo đó Ngân hàng đã đồng ý cho ông M vay số tiền là 31.500.000 (ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn) đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 42%, mục đích vay tiêu dùng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho ông M thanh toán nhưng ông M cố tình tránh né, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, VBank khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn M thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi tạm tính đến hết ngày 28/01/2021 như sau :

Nợ gốc là: 25.734.553 (hai mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi ba) đồng;

Nợ lãi tính đến ngày 28/01/2021 là: 72.521.175 (bảy mươi hai triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng;

Tổng cộng: 98.255.728 (chín mươi tám triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi tám) đồng.

Ngoài ra, ông M còn phải thanh toán cho VBank tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 29/01/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn Nguyễn Văn M đã được Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập và tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa hợp lệ nhưng không có ý kiến đồng thời vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa xét xử sơ thẩm không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định tại các điều 227, 228, 239, 243, 248, 249, 250, 258, 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chưa đúng theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 70, 71, 85, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 290, 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của VBank.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa xét xử sơ thẩm mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên giữa các đương sự không thống nhất được bất kỳ nội dung nào của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V có đơn khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn M liên quan đến số tiền ông M vay ngày 14/6/2016. Ông Nguyễn Văn M có nơi cư trú cuối cùng tại Số 028 đường B, ấp N, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ tranh chấp này phát sinh từ tranh chấp hợp đồng tín dụng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông M là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Văn M thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 28/01/2021 là 98.255.728 (chín mươi tám triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 25.734.553 (hai mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi ba) đồng, nợ lãi tính đến ngày 28/01/2021 là: 72.521.175 (bảy mươi hai triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 29/01/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[4]. Theo giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn số 20160614-101066-1334 ngày 04/6/2016 và được Ngân hàng TMCP V xác nhận chấp thuận cho vay ngày 14/6/2016 (sau đây gọi tắt là hợp đồng) thì đây là hợp đồng vay tín chấp không có tài sản bảo đảm. Khi ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, chủ thể, hình thức, nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[5]. Theo thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên thì Ngân hàng TMCP V cho ông Nguyễn Văn M vay số tiền là 31.500.000 (ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn) đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 42%/năm (mức lãi suất cố định trong suốt thời gian vay), lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, mục đích vay tiêu dùng, ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả nợ (trả nợ gốc và nợ lãi) cho Ngân hàng trong thời hạn 12 tháng theo phương thức trả hàng tháng theo lịch trả nợ. Trong quá trình vay, ông Nguyễn Văn M đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP V 03 lần vào các ngày 18/7/2016, ngày 31/8/2016 và 19/10/2016 với tổng số tiền là 10.103.429 (mười triệu một trăm không ba nghìn bốn trăm hai mươi chín) đồng, trong đó số tiền trả nợ gốc là 5.765.447 (năm triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi bảy) đồng và lãi là 4.337.982 (bốn triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi hai) đồng.

[6]. Căn cứ theo thỏa thuận trong hợp đồng và bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn M đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể, theo lịch trả nợ thì ông M có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi đợt đầu vào ngày 14/7/2016 nhưng đến ngày 18/7/2016 ông M mới trả nợ cho Ngân hàng; đợt hai ông M phải trả nợ số tiền gốc và lãi vào ngày 14/8/2016 nhưng đến ngày 31/8/2016 ông M mới trả cho Ngân hàng; đợt ba ông M phải trả nợ số tiền gốc và lãi vào ngày 14/9/2016 nhưng đến ngày 19/10/2016 ông M mới trả cho Ngân hàng. Sau ba lần trả nợ cho Ngân hàng như đã nêu trên thì đến nay ông M không trả nợ bất kỳ khoản tiền nào khác nữa cho Ngân hàng. Tính đến ngày 28/01/2021 ông M mới trả nợ gốc cho ngân hàng là 5.765.447 (năm triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi bảy) đồng, nợ gốc còn lại là: 25.734.553 (hai mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi ba) đồng. Như vậy, ông Nguyễn Văn M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận tại khoản 1 Điều 4 của bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ

và dịch vụ ngân hàng điện tử; vi phạm Điều 290 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, Ngân hàng TMCP V chuyển khoản vay sang nợ quá hạn và yêu cầu ông M có nghĩa vụ trả số nợ gốc còn lại là: 25.734.553 (hai mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi ba) đồng là có cơ sơ chấp nhận.

[7]. Xét yêu cầu về lãi suất: Về lãi suất đã được Ngân hàng tính toán, thực hiện theo đúng hợp đồng, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về lãi suất. Cam kết của các bên trong hợp đồng về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất nên được xác định là hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên. Tính đến ngày 28/01/2021, ông M còn nợ lãi là 72.521.175 (bảy mươi hai triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng.

[8]. Ông Nguyễn Văn M mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khác quan và không có bất cứ ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, điều này cho thấy ông M đã từ bỏ quyền phản đối của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên phải tự chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ trên yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét, giải quyết vụ án.

[9]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 98.255.728 (chín mươi tám triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 25.734.553 (hai mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi ba) đồng, nợ lãi tính đến ngày 28/01/2021 là: 72.521.175 (bảy mươi hai triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 29/01/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[10]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[10.1]. Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông M phải chịu là: 98.255.728 đồng x 5% = 4.912.786 (bốn triệu chín trăm mười hai nghìn bảy trăm tám mươi sáu) đồng.

[10.2]. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện.

[11]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[12]. *Về kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 290, 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với ông Nguyễn Văn M.

Buộc ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo hợp đồng vay vốn số 20160614-101066-1334 ngày 04/6/2016 và được Ngân hàng Thương mại cổ phần V xác nhận chấp thuận cho vay ngày 14/6/2016 tổng số tiền là 98.255.728 (chín mươi tám triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 25.734.553 (hai mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi ba) đồng, nợ lãi tính đến ngày 28/01/2021 là: 72.521.175 (bảy mươi hai triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng.

Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn số 20160614-101066-1334 ngày 04/6/2016 và được Ngân hàng Thương mại cổ phần V xác nhận chấp thuận cho vay ngày 14/6/2016.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.912.786 (bốn triệu chín trăm mười hai nghìn bảy trăm tám mươi sáu) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 1.748.000 (một triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số

AA/2018/0021110 ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND H.H, TP.HCM;
- Chi cục THADS H. H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Huy